

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình khuyến nông Trung ương
giai đoạn 2020 - 2025**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Quyết định số 3661/QĐ-BNN-TCCB ngày 19/9/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành Quy chế quản lý chương trình, dự án khuyến nông Trung ương và nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tại công văn số 145/KN-KHTC ngày 29/3/2019;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình khuyến nông Trung ương giai đoạn 2020 - 2025 tại 5 (năm) Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, KHCN (LML.30 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Quốc Doanh



Phụ lục I

**CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG TRỌNG ĐIỂM LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT - BẢO VỆ THỰC VẬT
GIAI ĐOẠN 2020-2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1360/QĐ-BNN-KHCN ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (tỉnh)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
1	Chương trình phát triển sản xuất lúa bền vững ứng phó với biến đổi khí hậu.	Đẩy mạnh việc áp dụng TBKT về giống, đưa giống mới, chất lượng vào sản xuất và các biện pháp canh tác: giảm chi phí sản xuất (giảm lượng giống, giảm thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ cỏ, phân bón...) nhằm nâng cao chất lượng lúa gạo phục vụ nội tiêu và xuất khẩu lúa gạo; đồng thời góp phần giảm lượng khí phát thải nhà kính tại các vùng sản xuất lúa.	Toàn quốc	- Liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ lúa gạo chất lượng cao phục vụ nội tiêu và xuất khẩu. - Áp dụng một số tiến bộ kỹ thuật mới trong thâm canh sản xuất lúa. - Sản xuất lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản. - Sản xuất lúa theo chuỗi giá trị.	- Xây dựng khoảng 15.000 -20.000 ha mô hình sản xuất đưa các giống lúa chất lượng, có năng suất cao, chất lượng tốt và các mô hình giảm lượng giống, giảm phân bón và lượng thuốc trừ cỏ, BVTV; giảm phát thải khí nhà kính. - Tăng hiệu quả sản xuất, hiệu quả kinh tế tăng ít nhất 10-15% so với ngoài mô hình. - Mỗi năm mở rộng diện tích áp dụng theo dự án đạt $\geq 50\%$.
2	Chương trình phát triển sản xuất rau, hoa và cây màu bền vững.	Đẩy mạnh sản xuất rau, hoa, cây màu theo hướng an toàn, chất lượng và hiệu quả gắn với tiêu thụ sản phẩm. Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, sức cạnh tranh trên thị trường nội tiêu và xuất khẩu. Hình thành vùng sản xuất rau an toàn theo hướng Việt GAP với quy mô lớn. Nâng cao nhận thức của người dân	Toàn quốc	- Sản xuất rau an toàn theo chuỗi. - Nấm ăn và nấm dược liệu. - Sản xuất ngô bền vững. - Sản xuất sản bền vững. - Sản xuất cây màu theo hướng hàng hóa phục vụ chế biến công nghiệp.	- Xây dựng khoảng 5.000-7.000 ha mô hình sản xuất rau, hoa, cây màu và khoảng 7.000-10.000 tấn nguyên liệu sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu theo hướng an toàn gắn với tiêu thụ sản phẩm. - Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất rau, hoa và cây màu; Hiệu quả kinh tế tăng ít nhất 10-15% tùy đối tượng cây trồng so với ngoài mô hình. - Mỗi năm mở rộng diện tích áp dụng theo

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (tỉnh)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
		trong việc tổ chức, hợp tác sản xuất gắn với tiêu thụ, xây dựng thương hiệu sản phẩm.			dự án đạt $\geq 50\%$.
3	Chương trình phát triển sản xuất bền vững một số cây công nghiệp chủ lực.	Đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật (giống, thâm canh, ghép cải tạo, trồng xen...) trong sản xuất một số cây công nghiệp chủ lực (cà phê, hồ tiêu, điều, chè, cao su, mía) nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng thu nhập cho người sản xuất. Thúc đẩy phát triển mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, ổn định thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo phát triển bền vững một số ngành hàng chủ lực.	Toàn quốc	- Liên kết sản xuất hồ tiêu an toàn, bền vững. - Trồng xen một số cây trồng trong phát triển sản xuất cà phê bền vững. - Trồng thay thế và cải tạo vườn điều bằng giống mới. - Trồng mới và thâm canh chè an toàn. - Trồng và thâm canh cao su giống mới. - Áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất và khai thác mù cao su. - Trồng và thâm canh mía gắn với nhà máy chế biến đường.	- Xây dựng mô hình với diện tích tái canh, trồng thay thế, cải tạo, trồng xen đạt khoảng 7.000-10.000 ha. - Các mô hình xây dựng theo hướng bền vững; gắn với tiêu thụ sản phẩm. - Năng suất, chất lượng các cây trồng được nâng cao. Hiệu quả kinh tế các sản phẩm cây trồng khi cho thu hoạch tăng ít nhất 15-20% so với sản xuất ngoài mô hình. - Kết thúc chương trình sẽ mở rộng thêm diện tích $\geq 50\%$ so với trước khi triển khai.
4	Chương trình phát triển sản xuất bền vững một số cây ăn quả chủ lực.	Đẩy mạnh việc chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới nhằm thúc đẩy sản xuất một số chủng loại cây ăn quả chủ lực (cây có múi, thanh long, xoài, bơ, nhãn, vải, vú sữa, chuối) theo hướng bền vững, an toàn dịch	Toàn quốc	- Sản xuất thanh long theo hướng bền vững và an toàn dịch bệnh. - Sản xuất cây ăn quả đặc sản phục vụ xuất khẩu (nhãn vải, xoài, bơ, bưởi, vú sữa ...). - Sản xuất, chế biến chuối xuất	- Xây dựng được khoảng 5.000-7.000 ha mô hình các cây ăn quả chủ lực tại các vùng sản xuất cây ăn quả theo hướng chuyên canh. - Tại các mô hình dịch bệnh được khống chế, không để bùng phát.

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (tỉnh)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
		bệnh gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ phục vụ nội tiêu xuất khẩu. Góp phần hình thành vùng sản xuất cây ăn quả chuyên canh, bền vững. Nâng cao nhận thức của người dân trong việc tổ chức sản xuất an toàn, bền vững; xây dựng thương hiệu sản phẩm, truy xuất nguồn gốc cây trồng và sản phẩm cây trồng.		khẩu. - Sản xuất dừa phục vụ chế biến và xuất khẩu - Sản xuất cây ăn quả có múi phục vụ chế biến và xuất khẩu. - Phát triển kinh tế vườn nâng cao chuỗi giá trị.	- Các mô hình xây dựng theo hướng bền vững; gắn với tiêu thụ sản phẩm. - Năng suất, chất lượng các cây trồng được nâng cao. Hiệu quả kinh tế các sản phẩm cây trồng khi cho thu hoạch tăng ít nhất 10-15% so với sản xuất ngoài mô hình. - Kết thúc chương trình sẽ mở rộng thêm diện tích $\geq 50\%$ so với trước khi triển khai.
5	Chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng nâng cao giá trị sản xuất.	Chuyển đổi một phần diện tích trồng lúa hoặc cây trồng có hiệu quả kinh tế thấp sang cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn; sử dụng cơ cấu cây trồng hợp lý, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả đầu tư; Tổ chức sản xuất theo hướng bền vững bảo vệ môi trường, cải tạo đất; nâng cao hiệu suất sản xuất nông nghiệp và nâng cao hiệu quả sử dụng ruộng đất; tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích.	Trung du, miền núi phía Bắc và các tỉnh Miền Trung	- Chuyển đổi đất lúa sang cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn (ngô, lạc, đậu tương, trồng cỏ và thức ăn thô xanh cho chăn nuôi gia súc...). - Chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và bền vững.	- Xây dựng được khoảng 7.000-10.000 ha mô hình chuyển đổi từ đất lúa hoặc các cây trồng kém hiệu quả sang các cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn (như: ngô, lạc, đậu tương, cỏ và thức ăn thô xanh cho chăn nuôi đại gia súc...). - Năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế các cây trồng chuyển đổi cao hơn sản xuất đại trà so với cây trồng trước khi chuyển đổi tăng ít nhất từ 15-20%. - Mô hình canh tác mới có nhiều ưu việt so với chế độ canh tác cũ; đất và môi trường canh tác, được cải tạo theo hướng bền vững. - Kết thúc chương trình sẽ mở rộng thêm diện tích $\geq 50\%$ so với trước khi triển khai.

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (tỉnh)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
6	Chương trình áp dụng tiến bộ kỹ thuật về phân bón cho cây trồng và sản xuất nông nghiệp hữu cơ.	Đẩy mạnh việc sử dụng các chủng loại phân bón an toàn, chất lượng cho cây trồng và áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến trong sản xuất an toàn, sản xuất cây trồng theo hướng hữu cơ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng nông nghiệp, đảm bảo an toàn cho môi trường, cho người sản xuất. Nâng cao nhận thức của người dân trong việc sử dụng phân bón hiệu quả, an toàn và bền vững.	Toàn quốc	- Thâm canh cây trồng theo hướng sử dụng phân hữu cơ. - Sử dụng các sản phẩm công nghệ sinh học trong sản xuất, thâm canh một số cây trồng. - Áp dụng các phương thức bón phân tiên tiến, tiết kiệm cho cây trồng.	- Xây dựng 4.000-5.000 ha mô hình ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sử dụng phân bón cho các cây trồng. - Mô hình có nhiều ưu việt so với chế độ canh tác, bón phân đang phổ biến ngoài sản xuất; đất và môi trường canh tác, sản xuất được cải tạo theo hướng bền vững. - Năng suất, chất lượng sản phẩm tăng so với ngoài mô hình; hiệu quả sản xuất tăng từ ít nhất từ 10-15%. - Kết thúc chương trình sẽ mở rộng thêm diện tích $\geq 50\%$ so với trước khi triển khai.

Phụ lục II

**CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG TRỌNG ĐIỂM LĨNH VỰC CHĂN NUÔI – THÚ Y
GIAI ĐOẠN 2020-2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1360/QĐ-BNN-KHCN ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (tỉnh)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
1	Phát triển chăn nuôi gia cầm theo chuỗi giá trị.	- Góp phần nâng cao năng suất chất lượng thịt, trứng gia cầm, tăng giá trị, có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước. - Xây dựng được mô hình chăn nuôi hiệu quả gắn với chuỗi giá trị ngành hàng. - Áp dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, gắn với giết mổ, xây dựng nhãn hiệu, tiêu thụ sản phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi gia cầm an toàn theo chuỗi giá trị. - Tổ chức sản xuất theo mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.	Toàn quốc	- Chăn nuôi gà thịt thương phẩm theo quy trình VietGAHP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. - Chăn nuôi gà sinh sản hướng trứng năng suất chất lượng cao. - Sản xuất giống gia cầm tại chỗ cho các tỉnh miền núi phía Bắc, Miền Trung và Tây Nguyên. - Chăn nuôi vịt thương phẩm chuyên thịt cao sản. - Chăn nuôi vịt sinh sản bố mẹ an toàn dịch bệnh.	- Xây dựng được mô hình liên kết chăn nuôi, quy mô 100.000 con gà sinh sản bố mẹ an toàn dịch bệnh, chất lượng cao. - Xây dựng được mô hình liên kết chăn nuôi, quy mô 100.000 con vịt thương phẩm, vịt sinh sản bố mẹ an toàn dịch bệnh. - Xây dựng được mô hình liên kết chăn nuôi, quy mô 160.000 gà thương phẩm hướng trứng, chất lượng cao, an toàn dịch bệnh. - Xây dựng được mô hình nuôi nhốt vịt thương phẩm trên cạn, quy mô 50.000 con. - Tăng giá trị chăn nuôi trên 15%; Khả năng nhân rộng mô hình trên 20%.

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (tỉnh)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
2	Phát triển chăn nuôi gia súc theo hướng nâng cao giá trị và thích ứng với biến đổi khí hậu.	- Cải tạo chất lượng giống vật nuôi nhằm tăng năng suất chất lượng. - Áp dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới trong chăn nuôi và chế biến nhằm tăng năng suất và thích ứng với biến đổi khí hậu. - Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất và chất lượng đảm bảo sản phẩm (Thịt, sữa) an toàn thực phẩm. - Tổ chức sản xuất theo mô hình (THT/HTX/Nhóm liên kết...). Liên kết tiêu thụ sản phẩm theo hướng truy xuất nguồn gốc trong chăn nuôi.	Toàn quốc	- Chăn nuôi trâu, bò thịt chất lượng cao tại các vùng chăn nuôi chính. - Cải tạo đàn trâu, bò địa phương bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo. - Chăn nuôi bò sữa an toàn sinh học theo hướng VietGAHP có sự liên kết từ của các hộ chăn nuôi đến doanh nghiệp chế biến sữa. - Chế biến, bảo quản thức ăn thô xanh cho gia súc thích ứng với biến đổi khí hậu. - Cải tạo đàn dê, cừu áp dụng các tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng thịt, sữa, phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu.	- Xây dựng được các mô hình cải tạo đàn trâu, bò địa phương bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, sử dụng tinh trâu, bò đực ngoại có năng suất, chất lượng cao để nâng cao chất lượng đàn bò cái nền địa phương với quy mô 10.000 con. - Xây dựng được mô hình chăn nuôi bò thịt chất lượng cao theo hướng VietGAHP tại các vùng chăn nuôi chính. Gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tạo ra sản phẩm an toàn. Quy mô 12.000 con. - Xây dựng được mô hình chăn nuôi bò sữa an toàn sinh học theo hướng VietGAHP. Tổ chức sản xuất theo mô hình (THT/HTX/Nhóm liên kết...) để liên kết tiêu thụ sản phẩm theo hướng truy xuất nguồn gốc. Quy mô 200 con. - Xây dựng được mô hình chế biến, bảo quản thức ăn thô xanh cho gia súc thích ứng với biến đổi khí hậu. - Xây dựng được mô hình cải tạo đàn dê, cừu áp dụng các tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng thịt, sữa, phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu. Quy mô 1.200 con. - Khả năng nhân rộng mô hình trên 10%.

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (tỉnh)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
3	Chăn nuôi lợn theo chuỗi giá trị hướng tới xuất khẩu.	- Phát triển chăn nuôi lợn an toàn dịch bệnh, năng suất, chất lượng cao phục vụ xuất khẩu. - Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới sản xuất gắn với giết mổ, xây dựng nhãn hiệu, tiêu thụ sản phẩm và truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi lợn an toàn theo chuỗi giá trị.	Toàn quốc	- Chăn nuôi lợn thịt an toàn dịch bệnh có liên kết sản xuất theo hướng xuất khẩu. - Chăn nuôi lợn sinh sản năng suất, chất lượng cao, an toàn dịch bệnh.	- Xây dựng được mô hình chăn nuôi lợn thịt an toàn dịch bệnh có liên kết sản xuất theo hướng xuất khẩu. Quy mô 10.000 con. - Xây dựng được mô hình chăn nuôi lợn sinh sản năng suất, chất lượng cao, an toàn dịch bệnh. Quy mô 2.000 con. - Khả năng nhân rộng mô hình trên 10%. - Tăng giá trị chăn nuôi trên 10% và định hướng tới xuất khẩu tại các vùng chăn nuôi trọng điểm.
4	Phát triển vật nuôi bản địa và các vật nuôi khác có tiềm năng thị trường.	- Nâng cao giá trị kinh tế của vật nuôi bản địa, khai thác lợi thế cạnh tranh và bảo vệ môi trường. - Phát triển bền vững với các vật nuôi có tiềm năng thị trường. - Xây dựng thương hiệu hàng hóa thông qua tổ nhóm hợp tác và liên kết sản xuất.	MNPB, ĐBSH, MTTN, ĐBSCL	- Chăn nuôi lợn bản địa theo hướng phát huy lợi thế cạnh tranh. - Xây dựng mô hình nuôi ong mật chất lượng cao theo hướng xuất khẩu. - Chăn nuôi các vật nuôi bản địa đặc thù (gà H'Mông, gà Móng, vịt cỏ Vân Đình, vịt Tiên Yên, vịt Cổ Lũng, vịt bầu quỳ, thỏ...) nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế cho người chăn nuôi.	- Xây dựng được mô hình chăn nuôi lợn bản địa theo hướng phát huy lợi thế cạnh tranh. Quy mô 9.000 con. - Xây dựng được mô hình nuôi ong mật chất lượng cao theo hướng xuất khẩu. Quy mô 5.000 đàn. - Xây dựng được mô hình vật nuôi địa phương đặc thù nâng cao giá trị kinh tế (gà H'Mông, gà Móng, vịt cỏ Vân Đình, vịt Tiên Yên, vịt Cổ Lũng, vịt bầu quỳ, thỏ...). Quy mô 50.000 con. - Hiệu quả kinh tế tăng tối thiểu 15%

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (tỉnh)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
5	Xây dựng vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh có kiểm soát.	- Xây dựng các vùng an toàn dịch bệnh có kiểm soát các bệnh nguy hiểm, bệnh truyền nhiễm lây từ động vật sang người. - Từng bước thực hiện việc kiểm soát tốt và giảm sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi.	Toàn quốc	- Chăn nuôi gia súc an toàn dịch bệnh có kiểm soát. Giảm thiểu sử dụng kháng sinh. - Chăn nuôi gia cầm an toàn dịch bệnh, có kiểm soát. Giảm thiểu sử dụng kháng sinh.	- Xây dựng được mô hình an toàn dịch bệnh, có kiểm soát trên gia súc. Quy mô 20.000 con. - Xây dựng được mô hình an toàn dịch bệnh, có kiểm soát trên gia cầm. Quy mô 60.000 con. - Kiểm soát dịch bệnh trên 90%.

Phụ lục III
CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG TRỌNG ĐIỂM LĨNH VỰC KHUYẾN NGƯ
GIẢI ĐOẠN 2020-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1360/QĐ-BNN-KHCN ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (tỉnh)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
1	Chương trình khuyến ngư nuôi tôm nước lợ.	Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng vào sản xuất thông qua xây dựng mô hình trình diễn, đào tạo tập huấn, thông tin tuyên truyền nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và phát triển bền vững.	Các tỉnh ven biển trên cả nước	- Nuôi sú tôm thâm canh đảm bảo an toàn thực phẩm. - Nuôi tôm sú sinh thái trong vùng ngập mặn. - Nuôi tôm sú quảng canh an toàn thực phẩm. - Nuôi tôm sú - lúa. - Nuôi tôm thẻ chân trắng 2, 3 giai đoạn. - Nuôi tôm thẻ chân trắng theo công nghệ biofloc. - Nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao. - Nuôi tôm thẻ chân trắng sử dụng men vi sinh. - Nuôi tôm thẻ chân trắng trên cát bằng nước biển ven bờ. - Nuôi tôm thẻ chân trắng trong vùng xâm nhập mặn.	- Xây dựng trên 150 mô hình, quy mô 2-5 ha/mô hình - Tập huấn trên 3.000 lượt người dân về những tiến bộ kỹ thuật mới. - Thông tin tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông. Tài liệu, ấn phẩm ... - Nhân rộng trên 1.000 ha mặt nước. - Tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu và tiêu dùng trong nước; hiệu quả mô hình cao hơn ngoài mô hình ít nhất 20%.

2

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (tỉnh)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
2	Chương trình khuyến ngư nuôi thủy sản nước mặn, lợ.	- Tạo việc làm, tăng thu nhập người dân. - Tăng năng suất và hiệu quả trong nuôi trồng thủy sản. - Tạo sản phẩm hàng hóa ATTP cho tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. - Phát triển kinh tế ven biển, hải đảo góp phần giữ gìn an ninh quốc gia.	Các tỉnh ven biển	- Nuôi các đối tượng cá biển có giá trị kinh tế cao trong các ao, hồ, đầm phá. - Nuôi cá lồng, bè trên biển, đảo. - Nuôi xen ghép cá biển với đối tượng nuôi khác. - Nuôi nhuyển thể. - Nuôi trồng rong biển, tảo. - Ương nuôi tôm hùm giống. - Nuôi tôm hùm sử dụng bằng thức ăn công nghiệp. - Nuôi tôm hùm bằng ứng dụng công nghệ mới về lồng và thiết bị kèm theo.	- Xây dựng hơn 170 mô hình. Quy mô 2 - 5 ha; 200 - 300 m³/mô hình sản xuất; 1 tỉnh/mô hình quản lý, tái tạo. - Tập huấn hơn 6.000 lượt người dân về tiến bộ kỹ thuật và ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất. - Thông tin tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức 4 - 5 sự kiện, hội thảo/năm; 4- 6 tài liệu, đĩa hình/năm. - Nhân rộng trên 800 ha mặt nước và trên 9.000 m³ lồng. - Tạo ra sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu và tiêu dùng trong nước; hiệu quả mô hình cao hơn ngoài mô hình ít nhất 15-20%. - Góp phần giữ gìn an ninh biển đảo quốc gia.

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (tỉnh)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
3	Chương trình phát triển nuôi cá tra.	Phát triển bền vững nghề nuôi cá tra, tạo ra sản phẩm an toàn cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Tạo ra con giống đảm bảo số lượng và chất lượng để cung cấp cho các cơ sở nuôi cá tra thương phẩm.	Các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long	- Ương nuôi cá tra giống. - Nuôi đàn cá tra bố mẹ chất lượng. - Nuôi cá tra đảm bảo an toàn thực phẩm.	- Xây dựng trên 50 mô hình, quy mô 2-3 ha/mô hình. - Nhân rộng trên 100 ha mặt nước. - Cá tra giống đảm bảo chất lượng, số lượng để cung cấp cho thị trường; Sản phẩm cá tra thương phẩm đạt tiêu chuẩn ATTP, hạn chế dịch bệnh và bền vững với môi trường. - Hiệu quả mô hình tăng ít nhất 15% so với ngoài mô hình.
4	Chương trình Khuyến ngư nuôi thủy sản nước ngọt.	- Tận dụng tiềm năng mặt nước phát triển mạnh nghề nuôi thủy sản nước ngọt để tạo ra sản phẩm an toàn, có giá trị xuất khẩu. - Tăng thu nhập, tạo việc làm cho người lao động địa phương và góp phần xoá đói giảm nghèo.	Các tỉnh trên cả nước	- Nuôi cá rô phi thương phẩm. - Ương nuôi cá rô phi giống. - Nuôi luân canh/xen canh cá – lúa. - Nuôi cá lồng bè trên sông và hồ chứa. - Nuôi thâm canh tôm càng xanh. - Nuôi tôm càng xanh xen canh/luân canh lúa. - Nuôi tôm càng xanh ghép với đối tượng nuôi khác.	- Xây dựng 80 mô hình, quy mô 1-5 ha/mô hình; 200 m³ lồng/mô hình; 200 m³ bể/mô hình. - Nhân rộng trên 100 ha mặt nước và trên 5.000 m³ lồng/bể. - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ATTP, hạn chế dịch bệnh và bền vững với môi trường. - Hiệu quả mô hình tăng ít nhất 15% so với ngoài mô hình.

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (tỉnh)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
5	Chương trình khuyến ngư phát triển nuôi thủy đặc sản và một số loài cá bản địa.	- Tăng cường nhận thức và hiểu biết khoa học công nghệ, quản lý, tổ chức nuôi thủy đặc sản. - Đa dạng hoá đối tượng nuôi từ đó tạo ra sản phẩm hàng hoá có giá trị. - Tận dụng tiềm năng mặt nước và lao động phát triển nuôi thủy đặc sản. - Tạo hàng hoá có giá trị kinh tế xuất khẩu, tăng thu nhập, tạo việc làm cho người lao động.	Các tỉnh trên cả nước	- Nuôi các đối tượng thủy đặc sản (cá trắm đen, cá chình, cá lăng, cá bống, cá chạch, cua đồng, ba ba, ếch...). - Nuôi một số đối tượng thủy sản cá nước lạnh (cá tầm, cá hồi vân, cá trắng...).	- Xây dựng trên 50 mô hình, quy mô 1 ha/mô hình; 200 m³/mô hình nuôi bể; 200 m³/mô hình nuôi lồng. - Nhân rộng trên 20 ha mặt nước; trên 2.000 m³ bể, lồng. - Sản phẩm tạo ra có giá trị kinh tế và an toàn vệ sinh thực phẩm. - Nâng cao hiệu quả sản xuất 10-15% so với ngoài mô hình (hoặc chưa thực hiện mô hình).
6	Chương trình khai thác hải sản xa bờ và bảo quản sản phẩm trên biển.	- Nâng cao hiệu quả cho các đội tàu khai thác hải sản xa bờ. - Nâng cao thu nhập cho người lao động. - Gắn liền khai thác phải đi đôi với bảo vệ nguồn lợi thủy sản.	Các tỉnh thành ven biển	- Đồng bộ cơ giới hóa các trang thiết bị cơ khí trên tàu khai thác hải sản xa bờ. - Kỹ thuật khai thác một số nghề vây, rê, chụp, câu .. - Công nghệ bảo quản sản phẩm trên tàu khai thác hải sản xa bờ.	- Nâng cao sản lượng khai thác từ 10-15% so với khi chưa áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới. - Nâng cao thu nhập cho người lao động tăng ít nhất 5%. - Giảm chi phí nhiên liệu sản xuất xuống 20% so với khi chưa áp dụng các tiến bộ kỹ thuật. - Nâng cao hiệu quả cho đội tàu khai thác hải sản xa bờ trên 5% so với năm trước.

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (tỉnh)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
		- Giảm nhân lực và giảm cường độ lao động thủ công cho thủy thủ trên các tàu khai thác hải sản xa bờ. - Nâng cao an toàn cho người và phương tiện sản xuất trên biển - Góp phần to lớn trong bảo vệ an ninh chủ quyền biển đảo của tổ quốc.			- Nâng cao chất lượng bảo quản sản phẩm trên biển giảm tổn thất sau thu hoạch xuống dưới 15%. - Xây dựng 70 mô hình cho các tàu.

Phụ lục IV

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG TRỌNG ĐIỂM LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

GIAI ĐOẠN 2020-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1360 /QĐ-BNN-KHCN ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (vùng)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
1	Chương trình trồng rừng gỗ lớn.	- Chuyển giao các giống mới và tiến bộ kỹ thuật về lâm sinh để phát triển trồng rừng thâm canh cung cấp gỗ lớn. - Nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng sản xuất. - Nâng cao hiệu quả kinh tế rừng trồng.	Nam Trung bộ	Trồng rừng cung cấp gỗ lớn hướng tới quản lý rừng bền vững từ các giống Keo lai mô các dòng: TB1, TB7, TB11, AH1, AH7, AM2, AM3,	- Quy mô 800 ha. - Năng suất bình quân đạt 25-30 m³/ha/năm. - Năng suất cuối năm thứ 3 đạt trên 40 m³/ha. - Chu kỳ kinh doanh từ 10-12 năm. - Nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng 50% so với rừng trồng gỗ nhỏ. - Xây dựng mô hình hướng tới cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. - Khả năng nhân rộng tối thiểu 20% diện tích mô hình.
			Bắc Trung bộ	Trồng rừng thâm canh Keo lá liềm trên vùng cát.	- Quy mô 500 ha. - Năng suất bình quân đạt 15-20 m³/ha/năm. - Năng suất cuối năm thứ 3 đạt trên 25 m³/ha. - Chu kỳ kinh doanh từ 10-14 năm. - Nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng 50% so với rừng trồng gỗ nhỏ. - Xây dựng mô hình hướng tới cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. - Khả năng nhân rộng tối thiểu 20% diện tích mô hình.

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (vùng)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
			Miền núi phía Bắc	Trồng rừng cung cấp gỗ lớn hướng tới quản lý rừng bền vững từ Keo tai tượng bằng các giống nhập nội xuất xứ Pongakii, Cardwell, Ironrage.	- Quy mô 500 ha. - Năng suất bình quân đạt 20-25 m³/ha/năm. - Năng suất cuối năm thứ 3 đạt trên 30 m³/ha. - Chu kỳ kinh doanh từ 10-14 năm. - Nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng 50% so với rừng trồng gỗ nhỏ. - Xây dựng mô hình hướng tới cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. - Khả năng nhân rộng tối thiểu 20% diện tích mô hình.
			Miền núi phía Bắc, Nam Trung bộ	Chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ Keo tai tượng, Keo Lai sang rừng cung cấp gỗ lớn hướng tới quản lý rừng bền vững.	- Quy mô 700 ha. - Năng suất bình quân đạt từ 25-30 m³/ha/năm. - Năng suất bình quân cả chu kỳ đạt trên 20 m³/ha/ năm. - Nâng cao giá trị rừng trồng và tăng hiệu quả kinh tế 50% so với rừng trồng gỗ nhỏ. - Chu kỳ kinh doanh từ 10-14 năm. - Xây dựng mô hình hướng tới cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. - Khả năng nhân rộng tối thiểu 20% diện tích mô hình.
			Miền núi phía Bắc và Bắc Trung bộ	Trồng rừng cây phân tán cung cấp gỗ lớn bằng một số loài cây bản địa: Xoan ta, Xoan nhừ, Lát hoa, Trám, Sấu, Giổi xanh	- Quy mô 100.000 cây. - Năng suất bình quân 15-18 m³/ha/năm, tăng tối thiểu 20% so với trồng rừng tập trung. - Chu kỳ kinh doanh từ 15-20 năm.

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (vùng)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
					- Tận dụng đất đai, nâng cao hiệu quả kinh tế trên đất lâm nghiệp. - Khả năng nhân rộng tối thiểu 15% diện tích mô hình.
			Miền Trung, Tây Nguyên	Trồng rừng thâm canh Bời lời đỏ.	- Quy mô 360 ha mô hình trồng thâm canh Bời lời đỏ được nhân giống từ cây trội tại Gia Lai. + Tốc độ tăng trưởng đạt: Năm 1: D00: 0,5-1,0 cm; Hvn: 0,6-0,8 m; Năm 2: D00: 2,5-3,0 cm; Hvn: 1,5-2,0 m; Năm 3: D00: 3,0-4,0 cm; Hvn: 2,0-3,0 m. - Năng suất sau 3 năm đạt 5.000 kg vỏ, lá, cành khô/ha. - Khả năng nhân rộng tối thiểu 15% diện tích mô hình.
			Miền núi phía Bắc	Trồng rừng kinh tế bằng một số dòng Bạch đàn lai: UP35, UP54, UP99, GLGU9, GLSE9, Cự Vi, DH 3229, CT3 ... nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô.	- Quy mô 500 ha. - Năng suất bình quân đạt 25-30 m³/ha/ năm. - Năng suất cuối năm thứ 3 đạt trên 40 m³/ha. - Chu kỳ kinh doanh từ 8-10 năm. - Nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng 50% so với rừng trồng gỗ nhỏ. - Xây dựng mô hình hướng tới cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững. - Khả năng nhân rộng tối thiểu 20% diện tích mô hình.
			Miền núi phía Bắc	Trồng rừng gỗ lớn cây bản địa: Tách, Re hương, Re gừng, Sồi phẳng từ nguồn giống chuyển hóa, giống	- Quy mô 100 ha mô hình trình diễn. - Năng suất bình quân đạt 15-18 m³/ha/năm, tăng năng suất, chất lượng rừng trồng tối thiểu 20% so với mô hình đại trà.

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (vùng)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
				cây trội.	- Năng suất cuối năm thứ 3 đạt trên 7 m³/ha. - Chu kỳ kinh doanh từ 15-20 năm. - Khả năng nhân rộng tối thiểu 15% diện tích mô hình.
2	Chương trình trồng rừng cây lâm sản ngoài gỗ.	- Chuyển giao các giống mới, giống cây trội, giống chuyển hóa và tiến bộ kỹ thuật về gây trồng các loài lâm sản ngoài gỗ. - Nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm một số cây lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao. - Xây dựng vùng nguyên liệu ổn định cho các làng nghề, tạo thu nhập thường xuyên và ổn định cho người dân làm nghề rừng từ nguồn thu cây lâm sản ngoài gỗ. Từ đó, thúc đẩy và là cơ sở thực hiện kế hoạch trồng rừng gỗ lớn.	Miền Bắc, Bắc Trung Bộ	Trồng, chế biến và liên kết tiêu thụ sản phẩm một số loài cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng: Ba Kích, Khôi tía, Sa nhân tím, Sâm Puxaylaleng, Bon bo, Thảo quả, Hà thủ ô, Bời lời	- Quy mô 500 ha. - Năng suất tăng tối thiểu 15% so với mô hình đại trà. - Xây dựng mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm với sự tham gia của doanh nghiệp. - Nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng 20% so với mô hình tự phát. - Khả năng nhân rộng tối thiểu 15% diện tích mô hình.
			Tây Bắc, Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ	Trồng, chế biến và liên kết tiêu thụ sản phẩm một số loài cây lâm sản ngoài gỗ: Quế, Sơn tra, Giổi ăn hạt, Hồi ...	- Quy mô 500 ha. - Năng suất tăng tối thiểu 15% so với mô hình đại trà. - Xây dựng mô hình chế biến, liên kết tiêu thụ sản phẩm với sự tham gia của doanh nghiệp. - Nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng 20% đến 30% so với mô hình tự phát. - Khả năng nhân rộng tối thiểu 15% diện tích mô hình.

Phụ lục V

CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG TRỌNG ĐIỂM LĨNH VỰC CƠ ĐIỆN NÔNG NGHIỆP VÀ CN SAU THU HOẠCH
GIAI ĐOẠN 2020-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1360/QĐ-BNN-KHCN ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (tỉnh)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
1	Chương trình cơ giới hóa ngành trồng trọt.	Đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp phù hợp với từng loại cây trồng và điều kiện sản xuất của từng vùng nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân, nâng cao hiệu quả sản xuất. Góp phần phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung.	Toàn quốc	- Ứng dụng máy khâu, máy cấy trong sản xuất lúa. - Ứng dụng máy cuốn rơm trong sản xuất lúa. - Ứng dụng máy phun hạt trong gieo sạ lúa. - Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất ngô và rau màu. - Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất cây công nghiệp ngắn ngày. - Cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.	- Tăng năng suất lao động từ 3-5 lần so với lao động thủ công. Giảm chi phí sản xuất - Hình các tổ hợp tác dịch vụ cơ giới hóa, góp phần đẩy nhanh đồn điền đổi thửa, tích tụ ruộng đất, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung. - Hiệu quả kinh tế tăng ít nhất 15%.
2	Chương trình tưới nước tiết kiệm cho cây trồng.	Đưa nhanh công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng, nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng năng suất, giảm lượng nước tưới, giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho người dân. Góp phần ổn định sản xuất và phát	Toàn quốc	- Tưới nước tiết kiệm cho cây cà phê. - Tưới nước tiết kiệm cho cây hồ tiêu. - Tưới nước tiết kiệm cho cây chè. - Tưới nước tiết kiệm cho cây ăn quả. - Tưới nước tiết kiệm cho rau, hoa. - Tưới nước tiết kiệm trong sản xuất thức ăn thô xanh phục vụ chăn nuôi.	- Diện tích cây trồng được sử dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt khoảng 1.500 ha. - Tiết kiệm 20 - 40% lượng nước tưới so với phương pháp tưới truyền thống. - Tăng năng suất cây trồng từ 10 - 20% (tùy theo loại cây trồng). Giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả kinh tế ít nhất 10%.

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (tỉnh)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
		triển vùng chuyên canh cây trồng chủ lực tập trung, có giá trị và thị trường.			- Sau khi kết thúc chương trình sẽ mở rộng thêm diện tích được áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước khoảng 5.000 ha.
3	Chế biến bảo quản nông lâm, thủy sản sản.	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sơ chế, bảo quản sản phẩm nông, lâm, thủy sản nhằm nâng cao chất lượng nông, lâm, thủy sản, kéo dài thời gian bảo quản, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao giá trị nông sản, tăng thu nhập cho người sản xuất.	Toàn quốc	- Ứng dụng máy chế biến cà phê ướt trong sơ chế, bảo quản cà phê. - Sơ chế, bảo quản rau, hoa tươi phục vụ nội tiêu và xuất khẩu. - Sơ chế, bảo quản một số loại trái cây chủ lực có giá trị kinh tế cao phục vụ nội tiêu và xuất khẩu. - Sơ chế, bảo quản dược liệu. - Sơ chế, chế biến thủy sản. - Xây dựng mô hình sơ chế, bảo quản, chế biến lâm sản ngoài gỗ.	- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến, công nghệ cao trong sơ chế và bảo quản nông, lâm, thủy sản, nâng cao giá trị nông, lâm, thủy sản trên 10%, giảm tổn thất sau thu hoạch trên 5%. - Tăng thu nhập, tăng hiệu quả kinh tế trên 10%.
4	Phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	Đẩy mạnh sản xuất một số cây trồng có giá trị kinh tế cao, áp dụng quy trình công nghệ tiên tiến phù hợp với vùng sản xuất, đem lại hiệu quả kinh tế cao và sản xuất bền vững.	Toàn quốc	- Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau, hoa. - Ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu. - Ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao trong sản xuất một số loại cây trồng chủ lực.	- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến, áp dụng công nghệ cao trong sản xuất (nhà màng, nhà lưới, hệ thống tưới...) trong sản xuất rau ăn lá, rau ăn quả, hoa nhằm nâng cao năng suất, chất lượng. Năng suất tăng tối thiểu so sản xuất đại trà cùng chủng loại ≥ 20%, hiệu quả kinh tế tăng ≥ 30%. - Thu nhập của người sản xuất tăng lên gấp 1,5-2 lần so sản xuất bình thường.

T T	Tên chương trình	Mục tiêu tổng quát	Phạm vi thực hiện (tỉnh)	Các dự án khuyến nông	Kết quả cần đạt
5	Cải thiện môi trường.	Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tận dụng phế phụ phẩm nông nghiệp trong lĩnh vực sản xuất của ngành.	Toàn quốc	- Xử lý phế phụ phẩm nông nghiệp làm than sinh học kết hợp phân hữu cơ vi sinh và ứng dụng trong mô hình sản xuất nông sản sạch. - Xử lý ô nhiễm môi trường tại các khu chế biến và các làng nghề.	- Giảm lượng ô nhiễm môi trường $\geq 20\%$, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. - Tận dụng được nguồn phế phụ phẩm trong nông nghiệp để làm phân bón hữu cơ.
6	Phát triển ngành nghề nông thôn và nghề muối.	Đưa tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất ngành nghề nông thôn, nghề muối nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, tăng thu nhập cho nông dân, nâng cao hiệu quả sản xuất với 1 số ngành hàng có giá trị xuất khẩu cao.	Toàn quốc	- Phát triển một số ngành nghề thủ công có thế mạnh xuất khẩu. - Phát triển mây tre xuất khẩu. - Phát triển hàng thủ công mỹ nghệ. - Sản xuất muối sạch.	- Xây dựng được các mô hình sản xuất ngành nghề truyền thống có hiệu quả và bền vững, nâng cao khả năng cạnh tranh gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa của nghề truyền thống. - Xây dựng được các mô hình sản xuất muối sạch chất lượng cao, tăng năng suất muối $\geq 20\%$, tăng hiệu quả kinh tế từ 15 - 20%.